

Số: 3352 /QĐ-UBND

Quảng Nam, ngày 22 tháng 10 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định hướng dẫn và quản lý hoạt động đầu tư
trên địa bàn tỉnh Quảng Nam**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 26/11/2014;

Căn cứ Nghị định số 157/2007/NĐ-CP ngày 27/10/2007 của Chính phủ về quy định chế độ trách nhiệm đối với người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị của nhà nước trong thi hành nhiệm vụ, công vụ;

Căn cứ Nghị định số 20/2008/NĐ-CP ngày 14/02/2008 của Chính phủ về tiếp nhận và xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính;

Căn cứ Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 173/TTr-SKHĐT ngày 02/8/2019 và Sở Tài nguyên và Môi trường tại Công văn số 1741/STNMT-BVMT ngày 07/10/2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định hướng dẫn và quản lý hoạt động đầu tư trên địa bàn tỉnh Quảng Nam.

Điều 2. Sở Kế hoạch và Đầu tư chịu trách nhiệm theo dõi, hướng dẫn và phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan trong việc triển khai thực hiện Quy định kèm theo Quyết định này.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư; Thủ trưởng các Sở, Ban ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 4575/QĐ-UBND ngày 28/12/2017 của UBND tỉnh về việc Quy định hướng dẫn và quản lý hoạt động đầu tư trên địa bàn tỉnh Quảng Nam./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Các Bộ: KH&ĐT, TC;
- Phòng TM&CN Việt Nam;
- TTTU, HĐND tỉnh;
- UBMT TQVN tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- CPVP;
- Báo Quảng Nam, Đài PTTH QNam;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh Quảng Nam;
- Lưu: VT, TH, NC, KTN, KTTH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Trí Thanh

QUY ĐỊNH

Hướng dẫn và quản lý hoạt động đầu tư trên địa bàn tỉnh Quảng Nam
(Kèm theo Quyết định số 3352/QĐ-UBND ngày 22/10/2019 của UBND tỉnh)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy định này quy định việc hướng dẫn trình tự, thủ tục thực hiện dự án, quản lý một số hoạt động cụ thể về đầu tư và xử lý phản ánh, kiến nghị của nhà đầu tư, doanh nghiệp, hợp tác xã (sau đây gọi chung là nhà đầu tư) trên địa bàn tỉnh Quảng Nam.

2. Đối tượng áp dụng:

- a) Nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Quảng Nam.
- b) Các cơ quan nhà nước có liên quan đến hoạt động đầu tư của các nhà đầu tư trên địa bàn tỉnh Quảng Nam.
- c) Cá nhân, tổ chức khác có liên quan.
- d) Các dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư (hình thức PPP); dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước; dự án đầu tư xây dựng khu đô thị, khu nhà ở không thực hiện theo quy định này.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. Cơ quan đăng ký đầu tư là cơ quan có thẩm quyền cấp, điều chỉnh và thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

2. Bảo đảm thực hiện dự án đầu tư là việc nhà đầu tư ký Thỏa thuận ký quỹ bảo đảm thực hiện dự án đầu tư với cơ quan Nhà nước quy định tại Khoản 1, Điều 14 Quy định này, bao gồm nội dung ký quỹ bảo đảm thực hiện dự án đầu tư và các nội dung có liên quan, làm cơ sở để theo dõi tình hình triển khai dự án và xử lý nếu nhà đầu tư vi phạm các nội dung đã cam kết.

Điều 3. Cơ quan đầu mối hướng dẫn và hỗ trợ đầu tư

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư làm đầu mối hướng dẫn và hỗ trợ nhà đầu tư trong quá trình triển khai thực hiện dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh, trừ những dự án quy định tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều này.

2. Ban Quản lý Khu kinh tế mở Chu Lai làm đầu mối hướng dẫn và hỗ trợ nhà đầu tư trong quá trình triển khai thực hiện dự án đầu tư trên địa bàn Khu kinh tế mở Chu Lai.

3. UBND các huyện, thị xã, thành phố làm đầu mối hướng dẫn và hỗ trợ nhà đầu tư trong quá trình triển khai thực hiện dự án đầu tư trong các cụm công nghiệp và các dự án đầu tư do UBND các huyện, thị xã, thành phố thỏa thuận nghiên cứu đầu tư quy định tại Khoản 3 và Khoản 4, Điều 7 Quy định này.

Chương II

TRÌNH TỰ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Điều 4. Trình tự triển khai thực hiện dự án đầu tư

Dự án đầu tư của các nhà đầu tư thực hiện trên địa bàn tỉnh Quảng Nam được triển khai theo trình tự các bước như sau:

1. Thỏa thuận nghiên cứu đầu tư (bao gồm việc cung cấp thông tin về địa điểm thực hiện dự án, quy hoạch và các quy định khác có liên quan khi thực hiện dự án).

- Đối với những dự án thuộc thẩm quyền Thỏa thuận nghiên cứu đầu tư của UBND các huyện, thị xã, thành phố quy định tại Khoản 3, Điều 7 Quy định này do UBND các huyện, thị xã, thành phố xem xét quyết định.

- Đối với dự án thuộc thẩm quyền Thỏa thuận nghiên cứu đầu tư của UBND tỉnh quy định tại Khoản 1, Điều 7 Quy định này thì sau khi hoàn chỉnh hồ sơ, UBND huyện, thị xã, thành phố trình lên Cơ quan đăng ký đầu tư để báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định.

2. Quyết định chủ trương đầu tư; cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có); đăng ký thành lập doanh nghiệp làm chủ đầu tư dự án.

3. Ký quỹ bảo đảm thực hiện dự án đầu tư.

4. Thẩm định, phê duyệt quy hoạch phân khu xây dựng hoặc quy hoạch chi tiết xây dựng (nếu có).

5. Thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với dự án thuộc diện phải thực hiện đánh giá tác động môi trường; xác nhận kế hoạch bảo vệ môi trường đối với dự án thuộc diện đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

6. Thông báo thu hồi đất; quyết định thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất, phê duyệt và tổ chức thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (đối với trường hợp Nhà nước thu hồi đất theo quy định của Luật Đất đai).

7. Thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy; Thỏa thuận đấu nối hạ tầng có liên quan; Thẩm định thiết kế cơ sở.

8. Quyết định giao đất/cho thuê đất/cho phép chuyển mục đích sử dụng đất; xác định giá đất; ký hợp đồng thuê đất; cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất khi hoàn thành các nghĩa vụ tài chính và đáp ứng đủ điều kiện theo quy định của pháp luật.

9. Thẩm định hồ sơ thiết kế kỹ thuật/thiết kế bản vẽ thi công; đăng ký cấp điện; cấp Giấy phép xây dựng; giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh theo quy định (nếu có).

Điều 5. Một số quy định chi tiết về trình tự thực hiện dự án đầu tư

1. Nhà đầu tư không thực hiện thủ tục thỏa thuận nghiên cứu đầu tư tại Điều 4 Quy định này đối với dự án đầu tư thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Dự án thực hiện trong khu công nghiệp, cụm công nghiệp phù hợp với quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt do nhà đầu tư làm chủ đầu tư xây dựng, kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp và đã được đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp.

b) Dự án được Nhà nước giao đất, cho thuê đất thông qua đấu giá, đấu thầu hoặc nhận chuyển nhượng và các loại hình dự án mà pháp luật có quy định riêng về việc lựa chọn nhà đầu tư.

2. Việc thẩm định nhu cầu sử dụng đất, điều kiện giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất, Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện đồng thời trong quá trình thực hiện thủ tục Quyết định chủ trương đầu tư, cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có).

3. Đối với dự án đầu tư thuộc danh mục các dự án, lĩnh vực đầu tư có tiềm ẩn tác động lớn về môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Quy định này thuộc đối tượng lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường và thuộc thẩm quyền phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của UBND tỉnh, nhà đầu tư chịu trách nhiệm lập Phương án đánh giá sơ bộ tác động đến môi trường gửi Sở Tài nguyên và Môi trường có ý kiến trước khi thực hiện thủ tục Quyết định chủ trương đầu tư hoặc cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Phương án đánh giá sơ bộ tác động đến môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường có ý kiến bằng văn bản đối với Phương án đánh giá sơ bộ tác động đến môi trường. Đối với các dự án đầu tư thực hiện tại Khu Kinh tế mở Chu Lai, Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp lấy ý kiến của Ban Quản lý Khu kinh tế mở Chu Lai trước khi xem xét có ý kiến. Trường hợp quá thời hạn 15 ngày nêu trên và Sở Tài nguyên và Môi trường không có ý kiến bằng văn bản thì xem như đồng ý và nhà đầu tư được quyền thực hiện các thủ tục tiếp theo.

4. Đối với dự án đầu tư được nhà nước giao đất, cho thuê đất không thông qua đấu giá, đấu thầu, nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hoặc tài sản gắn liền với đất, dự án đầu tư có yêu cầu chuyển mục đích sử dụng đất quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 32 Luật Đầu tư thực hiện tại khu công nghiệp, khu kinh tế phù hợp với quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, Cơ quan đăng ký đầu tư lấy ý kiến thẩm định theo quy định tại Khoản 3, Điều 30 Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư để cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho nhà đầu tư mà không phải trình UBND tỉnh quyết định chủ trương đầu tư.

5. Đối với dự án đầu tư quy định tại Khoản 2, Điều 32 Luật Đầu tư ngày 26/11/2014 thực hiện trên địa bàn Khu kinh tế mở Chu Lai có quy hoạch chi tiết xây dựng (1/500), quy hoạch bố trí ngành nghề đã được cấp thẩm quyền phê duyệt, Ban Quản lý Khu kinh tế mở Chu Lai quyết định chủ trương đầu tư hoặc cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho nhà đầu tư mà không phải trình UBND tỉnh quyết định chủ trương đầu tư.

6. Đối với các dự án mà nhà đầu tư có nhu cầu được cấp điện trước thời điểm quy định tại Khoản 9, Điều 4 Quy định này, nhà đầu tư có thể thực hiện trước thủ tục cấp điện trong trường hợp đáp ứng các yêu cầu của đơn vị cung cấp điện và tuân thủ theo quy định của pháp luật.

7. Đối với các dự án phải có ý kiến của Thủ tướng Chính phủ hoặc các Bộ, ngành Trung ương tại bất kỳ bước nào Quy định này, các Sở, Ban, ngành có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ tham mưu UBND tỉnh xin ý kiến Thủ tướng Chính phủ và các Bộ, ngành liên quan. Sau khi có ý kiến chấp thuận thì mới thực hiện các bước tiếp theo.

8. Nhà đầu tư được thực hiện đồng thời một số thủ tục quy định tại Điều 4 Quy định này như sau:

a) Thực hiện đồng thời thủ tục quy định tại Khoản 6 trong quá trình thực hiện thủ tục quy định tại Khoản 4 hoặc Khoản 5;

b) Nhà đầu tư được thực hiện đồng thời một số bước quy định tại Điều 4 Quy định này để rút ngắn thời gian hoàn thành thủ tục hành chính trường hợp được cơ quan chủ trì giải quyết và các cơ quan có liên quan chấp thuận.

c) Nhà đầu tư đầu tư dự án vào nông nghiệp, nông thôn được thực hiện song song hoặc lồng ghép các thủ tục về đất đai, môi trường, xây dựng và nhận hỗ trợ đầu tư.

9. Trong quá trình thực hiện dự án đầu tư, căn cứ tính chất, quy mô và điều kiện cụ thể của dự án, cơ quan đầu mối về hướng dẫn và hỗ trợ đầu tư quy định tại Điều 3 Quy định này và cơ quan chủ trì giải quyết thủ tục đầu tư chịu trách nhiệm hướng dẫn nhà đầu tư không thực hiện một số thủ tục quy định tại Điều 4 Quy định này theo đúng các quy định của pháp luật.

Điều 6. Báo cáo xin ý kiến chấp thuận của cấp thẩm quyền theo quy chế làm việc của Tỉnh ủy

Cơ quan đăng ký đầu tư chịu trách nhiệm tham mưu trình Ban cán sự đảng UBND tỉnh báo cáo, xin ý kiến chấp thuận của cấp thẩm quyền theo Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Đảng bộ, Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Thường trực Tỉnh ủy Quảng Nam.

Điều 7. Thực hiện thỏa thuận nghiên cứu đầu tư

1. UBND tỉnh thỏa thuận nghiên cứu đầu tư đối với các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh, trừ dự án thuộc các trường hợp quy định tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều này.

2. Ban Quản lý Khu kinh tế mở Chu Lai thỏa thuận nghiên cứu đầu tư đối với các dự án trên địa bàn Khu kinh tế mở Chu Lai theo thẩm quyền Quyết định chủ trương đầu tư của Ban Quản lý Khu kinh tế mở Chu Lai.

3. UBND các huyện, thị xã, thành phố thỏa thuận nghiên cứu đầu tư đối với các dự án đầu tư sau đây:

a) Dự án đầu tư trong các khu công nghiệp, cụm công nghiệp phù hợp với quy hoạch do UBND các huyện, thị xã, thành phố hoặc các đơn vị sự nghiệp công lập được UBND tỉnh giao làm chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, cụm công nghiệp.

b) Dự án đầu tư do hộ gia đình, cá nhân làm chủ đầu tư có đề nghị nhà nước giao đất, cho thuê đất hoặc cho phép chuyển mục đích sử dụng đất.

Đối với diện tích khu đất từ 5.000 m² trở lên khi UBND các huyện, thị xã, thành phố cho hộ gia đình, cá nhân thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất nông nghiệp để sử dụng vào mục đích thương mại, dịch vụ thì phải có văn bản chấp thuận của UBND tỉnh trước khi thực hiện.

c) Dự án phù hợp với quy hoạch chi tiết xây dựng, quy hoạch xây dựng nông thôn mới được cấp thẩm quyền phê duyệt còn hiệu lực thi hành và phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành về quy hoạch.

d) Dự án thuộc các trường hợp quy định tại Điểm b và Điểm c Khoản này mà có đầu nối trực tiếp vào quốc lộ, các đường trục quốc gia và đường tỉnh (ĐT) thì UBND cấp huyện, thị xã, thành phố tổ chức lấy ý kiến của Sở Giao thông vận tải trước khi quyết định.

đ) Ngoài trường hợp quy định tại Điểm d Khoản này, trường hợp UBND các huyện, thị xã, thành phố xét thấy dự án còn những vấn đề chưa phù hợp, cần làm rõ hoặc cần thiết thì tổ chức lấy ý kiến của các Sở, ngành, đơn vị có liên quan khác trước khi quyết định.

4. Việc giao nhiệm vụ thực hiện thủ tục Thỏa thuận nghiên cứu đầu tư quy định tại Điểm b, Điểm c, Khoản 3 Điều này không áp dụng đối với các dự án thuộc các lĩnh vực, trường hợp sau đây: (i) Dự án thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Quốc hội hoặc Thủ tướng Chính phủ; (ii) Dự án có sử dụng đất tại đảo, xã, phường, thị trấn biên giới, ven biển; (iii) Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp; (iv) Dự án sản xuất công nghiệp đề nghị đầu tư ngoài khu công nghiệp, cụm công nghiệp; (v) Dự án nằm trên địa giới hành chính hai huyện; (vi) Dự án đầu tư tại địa bàn vùng Đông của tỉnh từ huyện Duy Xuyên đến huyện Núi Thành theo quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Quảng Nam đã được UBND tỉnh phê duyệt; (vii) Dự án đầu tư trên địa bàn Khu kinh tế mở Chu Lai trừ dự án quy định tại Điểm a, Khoản 3 Điều này; (viii) Dự án ngoài danh mục kế hoạch sử dụng đất hằng năm của địa phương được cấp có thẩm quyền phê duyệt có sử dụng đất lúa, sử dụng rừng phòng hộ, rừng đặc dụng; (ix) Danh mục các dự án, lĩnh vực đầu tư có tiềm ẩn tác động lớn về môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Quy định này.

5. Trách nhiệm của các Sở, Ban, ngành:

a) Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng và các Sở, ngành, địa phương có liên quan tham mưu UBND tỉnh thỏa thuận nghiên cứu đầu tư đối với các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh thuộc thẩm quyền thỏa thuận nghiên cứu đầu tư của UBND tỉnh, trừ các dự án quy định tại Điểm b Khoản này.

b) Ban Quản lý Khu kinh tế mở Chu Lai chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, địa phương có liên quan tham mưu UBND tỉnh thỏa thuận nghiên cứu đầu tư đối với các dự án đầu tư trên địa bàn Khu kinh tế mở Chu Lai thuộc thẩm quyền Quyết định chủ trương đầu tư của UBND tỉnh.

c) Các Sở, Ban, ngành có liên quan chịu trách nhiệm công bố công khai và cung cấp các thông tin, tài liệu, hồ sơ quy hoạch phát triển ngành (nếu có) của ngành mình để UBND các huyện, thị xã, thành phố được biết và làm căn cứ để xác định sự phù hợp của dự án đối với các hồ sơ quy hoạch đã được phê duyệt. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản Thỏa thuận nghiên cứu đầu tư do UBND các huyện, thị xã, thành phố cung cấp, nếu xét thấy việc Thỏa thuận nghiên cứu đầu tư dự án là chưa phù hợp thì các Sở, Ban, ngành có liên quan phải có văn bản phản hồi để UBND các huyện, thị xã, thành phố và nhà đầu tư được biết. Trường hợp không có ý kiến phản hồi được xem là thống nhất với việc Thỏa thuận nghiên cứu đầu tư của UBND các huyện, thị xã, thành phố và có trách nhiệm giải quyết hoặc tham mưu giải quyết các thủ tục tiếp theo khi có yêu cầu.

6. Trách nhiệm của UBND các huyện, thị xã, thành phố:

a) Thực hiện thủ tục Thỏa thuận nghiên cứu đầu tư đảm bảo theo đúng các nội dung đã được quy định tại Khoản 3, Khoản 4 Điều này và chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước UBND tỉnh và Chủ tịch UBND tỉnh đối với việc Thỏa thuận nghiên cứu đầu tư của mình.

b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày ký văn bản Thỏa thuận nghiên cứu đầu tư, UBND các huyện, thị xã, thành phố gửi văn bản Thỏa thuận nghiên cứu đầu tư kèm theo sơ đồ vị trí dự án (với tỷ lệ phù hợp, có tọa độ điểm góc theo hệ VN2000) và hồ sơ, tài liệu có liên quan đến dự án (trừ dự án quy định tại Điểm a, Khoản 3 Điều này) cho các Sở (Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Công Thương, Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) và Sở, ngành khác có liên quan.

Điều 8. Nguyên tắc phối hợp giải quyết thủ tục đầu tư

1. Trong quá trình thực hiện thủ tục hành chính liên quan đến dự án đầu tư, nhà đầu tư chỉ làm việc với cơ quan tiếp nhận hồ sơ giải quyết thủ tục đầu tư và nhận kết quả giải quyết trong thời gian ghi trên phiếu hẹn. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ (Trung tâm Hành chính công và Xúc tiến đầu tư tỉnh hoặc Bộ phận tiếp nhận, giải quyết hồ sơ theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông thuộc các Sở, Ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố) có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ, viết phiếu biên nhận và hẹn giao trả kết quả giải quyết theo đúng thời gian quy định.

2. Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, lĩnh vực chuyên môn và địa bàn thuộc phạm vi quản lý của mình, các Sở, ngành, địa phương chủ động tổ chức kiểm tra, thẩm định để giải quyết hồ sơ, thủ tục cho nhà đầu tư, doanh nghiệp; hạn chế tình trạng chuyển công việc thuộc chức năng, thẩm quyền của mình lên UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh hoặc cho các cơ quan, đơn vị khác.

3. Trong quá trình thẩm định, giải quyết hồ sơ, thủ tục của nhà đầu tư, doanh nghiệp, trường hợp cơ quan chủ trì cần tổ chức lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan thì việc lấy ý kiến phải đảm bảo theo nguyên tắc sau:

a) Trường hợp tổ chức lấy ý kiến bằng các phiên họp, cuộc họp (bao gồm cả đi khảo sát thực tế):

- Trách nhiệm của cơ quan, đơn vị chủ trì: Sắp xếp thời gian và địa điểm tổ chức cuộc họp phù hợp với nội dung, tính chất của từng cuộc họp. Giấy mời họp phải được phát hành và gửi đến các cơ quan, đơn vị được mời trước thời điểm họp ít nhất 02 ngày làm việc (trừ những cuộc họp để giải quyết những vấn đề khẩn cấp theo yêu cầu của cấp trên), đồng thời phải gửi kèm giấy mời các hồ sơ, tài liệu có liên quan (nếu có). Chuẩn bị các điều kiện để phục vụ cuộc họp. Người chủ trì cuộc họp phải có kết luận hoặc thống nhất những nội dung cần giải quyết bằng văn bản (biên bản hoặc thông báo nội dung kết luận). Trường hợp tại cuộc họp, các đơn vị, địa phương có nhiều ý kiến, quan điểm không thống nhất với nhau thì có thể bảo lưu ý kiến của mình và ý kiến đó phải được ghi cụ thể vào biên bản cuộc họp, cơ quan chủ trì phải báo cáo những nội dung này trong văn bản báo cáo UBND tỉnh. Biên bản hoặc nội dung kết luận cuộc họp phải được gửi đến các cơ quan, đơn vị có đại diện dự họp.

- Trách nhiệm của cơ quan, đơn vị được mời: Cử người dự họp đúng thành phần mời họp, không cử người không đủ thẩm quyền dự họp, chuẩn bị tốt các nội dung liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị mình để phát biểu, đề xuất, kiến nghị tại cuộc họp. Trường hợp người thuộc thành phần mời họp không đến dự được thì người được cử dự họp thay phải được người chủ trì cuộc họp thống nhất; ý kiến của người được cử dự họp được coi là ý kiến chính thức của cơ quan, đơn vị và là cơ sở để người chủ trì xem xét, kết luận về nội dung họp. Cơ quan, đơn vị được mời họp phải cử người đã hoặc đang và sẽ là người trực tiếp theo dõi, quản lý, giải quyết các nội dung liên quan đến dự án đầu tư đó tham dự cuộc họp; không cử người không liên quan, không trực tiếp theo dõi dự án dự họp. Trường hợp đơn vị được mời vì nhiều lý do không cử người tham dự họp hoặc có cử người tham dự nhưng người đó xét thấy chưa thể đưa ra ý kiến, quan điểm chính thức của cơ quan, đơn vị mình mà cần phải xin ý kiến của lãnh đạo cơ quan, đơn vị và sẽ tham gia ý kiến bằng văn bản thì phải báo cho người chủ trì được biết và trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày diễn ra cuộc họp phải có ý kiến bằng văn bản về các nội dung có liên quan gửi cơ quan chủ trì. Nếu quá thời hạn mà cơ quan, đơn vị được yêu cầu tham gia ý kiến không có văn bản phúc đáp, trả lời hoặc có văn bản trả lời nhưng nội dung chung chung, không thể hiện rõ quan điểm thống nhất hay không thống nhất với

nội dung được lấy ý kiến thì coi như đồng ý và phải chịu trách nhiệm về sự đồng ý đó như đề xuất trong văn bản lấy ý kiến.

b) Trường hợp tổ chức lấy ý kiến bằng văn bản:

- Trách nhiệm của cơ quan, đơn vị gửi văn bản lấy ý kiến: Gửi văn bản lấy ý kiến kèm các hồ sơ, tài liệu liên quan (nếu có) để các cơ quan được yêu cầu nghiên cứu đề xuất ý kiến. Trong văn bản lấy ý kiến phải ghi cụ thể lấy ý kiến về nội dung gì, thời hạn gửi lại văn bản phúc đáp, trả lời.

- Trách nhiệm của cơ quan, đơn vị được lấy ý kiến: Theo chức năng, nhiệm vụ, lĩnh vực chuyên môn và địa bàn thuộc phạm vi quản lý của ngành, địa phương mình, cơ quan, đơn vị tham gia ý kiến phải nêu cụ thể, rõ ràng, đầy đủ và thể hiện quan điểm (thống nhất hay không thống nhất) các nội dung theo yêu cầu trong văn bản phúc đáp, trả lời. Nếu quá thời hạn mà cơ quan, đơn vị được yêu cầu tham gia ý kiến không có văn bản phúc đáp, trả lời hoặc có văn bản trả lời nhưng nội dung chung chung, không thể hiện rõ quan điểm thống nhất hay không thống nhất với nội dung được lấy ý kiến thì coi như đồng ý và phải chịu trách nhiệm về sự đồng ý đó như đề xuất trong văn bản lấy ý kiến; đồng thời, cơ quan chủ trì phải nêu rõ việc này trong văn bản báo cáo UBND tỉnh.

Chương III **BẢO ĐẢM THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ**

Điều 9. Đối tượng ký quỹ bảo đảm thực hiện dự án đầu tư

Nhà đầu tư phải ký quỹ bảo đảm thực hiện dự án đầu tư trong trường hợp được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư, trừ các trường hợp sau:

1. Nhà đầu tư trúng đấu giá quyền sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất, cho thuê đất thu tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê;

2. Nhà đầu tư trúng đấu thầu thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đấu thầu;

3. Nhà đầu tư được Nhà nước giao đất, cho thuê đất trên cơ sở nhận chuyển nhượng dự án đầu tư đã thực hiện ký quỹ hoặc đã hoàn thành việc góp vốn, huy động vốn theo tiến độ quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, văn bản quyết định chủ trương đầu tư;

4. Nhà đầu tư được Nhà nước giao đất, cho thuê đất để thực hiện dự án đầu tư trên cơ sở nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất của người sử dụng đất khác;

5. Nhà đầu tư là đơn vị sự nghiệp có thu, công ty phát triển khu công nghệ cao được thành lập theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện dự án đầu tư được Nhà nước giao đất, cho thuê đất để phát triển kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu chức năng trong khu kinh tế.

6. Hợp tác xã được Nhà nước cho thuê đất để thực hiện dự án đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.

Điều 10. Nguyên tắc thực hiện

1. Việc ký quỹ bảo đảm thực hiện dự án đầu tư theo Quy định này được thực hiện trên cơ sở Thỏa thuận ký quỹ bảo đảm thực hiện dự án đầu tư được ký kết giữa nhà đầu tư và cơ quan ký Thỏa thuận ký quỹ bảo đảm thực hiện dự án đầu tư.

2. Nhà đầu tư được hoàn trả lại số tiền ký quỹ và tiền lãi tương ứng theo quy định tại Khoản 1, Điều 12 Quy định này.

3. Nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư trong khu công nghiệp, cụm công nghiệp theo hình thức thuê lại đất gắn với kết cấu hạ tầng của nhà đầu tư kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp thì không phải thực hiện nghĩa vụ ký quỹ.

4. Nhà đầu tư đã tạm ứng tiền giải phóng mặt bằng, tái định cư được hoãn thực hiện nghĩa vụ ký quỹ tương ứng với số tiền giải phóng mặt bằng, tái định cư đã tạm ứng được xác nhận của cơ quan nhà nước có chức năng thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng.

5. Việc hoãn thực hiện nghĩa vụ ký quỹ quy định tại Khoản 4 Điều này được Cơ quan ký Thỏa thuận ký quỹ bảo đảm thực hiện dự án đầu tư xem xét giải quyết trên cơ sở tài liệu, hồ sơ, chứng từ chứng minh đủ điều kiện được hoãn thực hiện nghĩa vụ ký quỹ.

6. Vốn đầu tư của dự án theo quy định tại Khoản 1, Điều 11 Quy định này không bao gồm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất nộp cho nhà nước và chi phí xây dựng các công trình công cộng thuộc dự án đầu tư. Đối với dự án đầu tư được Nhà nước giao đất, cho thuê đất trong từng giai đoạn, mức ký quỹ được tính theo vốn đầu tư của dự án tương ứng với từng giai đoạn giao đất, cho thuê đất.

7. Trường hợp điều chỉnh dự án đầu tư làm thay đổi các điều kiện ký quỹ, Cơ quan ký Thỏa thuận ký quỹ bảo đảm thực hiện dự án đầu tư và nhà đầu tư thỏa thuận điều chỉnh việc ký quỹ theo đúng Quy định này.

Điều 11. Mức ký quỹ bảo đảm thực hiện dự án đầu tư

1. Mức ký quỹ được tính bằng tỷ lệ phần trăm trên vốn đầu tư của dự án đầu tư quy định tại văn bản quyết định chủ trương đầu tư hoặc văn bản có giá trị pháp lý tương đương hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo nguyên tắc lũy tiến từng phần như sau:

a) Đối với phần vốn đến 300 tỷ đồng, mức ký quỹ là 3%.

b) Đối với phần vốn trên 300 tỷ đồng đến 1.000 tỷ đồng, mức ký quỹ là 2%.

c) Đối với phần vốn trên 1.000 tỷ đồng, mức ký quỹ là 1%.

2. Nhà đầu tư được giảm tiền ký quỹ trong các trường hợp sau:

a) Giảm 25% số tiền ký quỹ đối với dự án đầu tư thuộc ngành, nghề ưu đãi đầu tư; dự án đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; dự án đầu

tư thực hiện trong khu công nghiệp, khu chế xuất, kể cả dự án đầu tư xây dựng, kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, khu chế xuất.

b) Giảm 50% số tiền ký quỹ đối với dự án đầu tư thuộc ngành, nghề đặc biệt ưu đãi đầu tư; dự án đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; dự án đầu tư thuộc ngành, nghề ưu đãi đầu tư thực hiện tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; dự án đầu tư thực hiện trong khu công nghệ cao, khu kinh tế, kể cả dự án đầu tư xây dựng, kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghệ cao, khu kinh tế.

Danh mục ngành, nghề ưu đãi đầu tư; Danh mục địa bàn ưu đãi đầu tư được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.

3. Tiền ký quỹ được nộp vào tài khoản của Cơ quan ký Thỏa thuận ký quỹ bảo đảm thực hiện dự án đầu tư mở tại ngân hàng thương mại trên địa bàn tỉnh Quảng Nam theo lựa chọn của nhà đầu tư. Nhà đầu tư chịu chi phí liên quan đến việc mở, duy trì tài khoản ký quỹ, lựa chọn kỳ hạn tiền gửi của tiền ký quỹ và thực hiện các giao dịch liên quan đến tài khoản ký quỹ.

Lãi suất tiền gửi phát sinh của tiền ký quỹ được xác định theo mức lãi suất có kỳ hạn do ngân hàng thương mại nơi mở tài khoản tiếp nhận tiền ký quỹ xác định tại thời điểm nhà đầu tư hoàn thành nộp tiền ký quỹ vào tài khoản của Cơ quan ký Thỏa thuận ký quỹ bảo đảm thực hiện dự án đầu tư.

Điều 12. Hoàn trả tiền ký quỹ

1. Nhà đầu tư được hoàn trả tiền ký quỹ theo nguyên tắc sau:

a) Hoàn trả 50% số tiền ký quỹ tại thời điểm nhà đầu tư hoàn thành thủ tục giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất và được cấp các giấy phép, chấp thuận khác theo quy định của pháp luật đủ điều kiện pháp lý thực hiện hoạt động xây dựng (nếu có) không chậm hơn tiến độ quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc văn bản quyết định chủ trương đầu tư hoặc Quyết định của cơ quan đăng ký đầu tư về việc giãn tiến độ thực hiện dự án đầu tư;

b) Hoàn trả số tiền ký quỹ còn lại và tiền lãi phát sinh từ khoản ký quỹ (nếu có) tại thời điểm nhà đầu tư hoàn thành việc nghiệm thu công trình xây dựng và lắp đặt máy móc, thiết bị để dự án đầu tư hoạt động không chậm hơn tiến độ quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc văn bản quyết định chủ trương đầu tư hoặc Quyết định của cơ quan đăng ký đầu tư về việc giãn tiến độ thực hiện dự án đầu tư;

c) Trường hợp giảm vốn đầu tư của dự án, nhà đầu tư được hoàn trả số tiền ký quỹ tương ứng với số vốn đầu tư giảm theo quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (điều chỉnh) hoặc văn bản quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư;

d) Trường hợp dự án đầu tư không thể tiếp tục thực hiện vì lý do bất khả kháng hoặc do lỗi của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong quá trình thực hiện các thủ tục hành chính, Cơ quan ký Thỏa thuận ký quỹ bảo đảm thực hiện

dự án đầu tư chủ trì, phối hợp với các ngành, địa phương có liên quan tham mưu UBND tỉnh xem xét việc hoàn trả số tiền ký quỹ và tiền lãi phát sinh từ khoản ký quỹ cho nhà đầu tư.

2. Trình tự hoàn trả tiền ký quỹ bảo đảm thực hiện đầu tư dự án:

a) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhà đầu tư cung cấp đầy đủ hồ sơ, tài liệu chứng minh đã đủ các điều kiện về việc hoàn trả tiền ký quỹ, Cơ quan ký Thỏa thuận ký quỹ bảo đảm thực hiện dự án đầu tư chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu UBND tỉnh cho phép thực hiện hoàn trả số tiền ký quỹ và tiền lãi phát sinh tương ứng trừ các dự án quy định tại Điểm c và Điểm d Khoản này.

b) Sở Xây dựng hoặc cơ quan cấp giấy phép xây dựng chịu trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Cơ quan ký Thỏa thuận ký quỹ bảo đảm thực hiện dự án đầu tư và các Sở, Ban, ngành và địa phương có liên quan kiểm tra, xác nhận thời điểm nhà đầu tư hoàn thành việc nghiệm thu công trình xây dựng và lắp đặt máy móc, thiết bị để dự án đầu tư hoạt động, làm cơ sở hoàn trả tiền ký quỹ đối với dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh, trừ dự án quy định tại Điểm c và d Khoản này.

c) Ban Quản lý Khu kinh tế mở Chu Lai quyết định việc hoàn trả tiền ký quỹ và lãi tiền gửi phát sinh tương ứng đối với dự án mà Cơ quan ký Thỏa thuận ký quỹ bảo đảm thực hiện dự án đầu tư là Ban Quản lý Khu kinh tế mở Chu Lai và chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước UBND tỉnh và Chủ tịch UBND tỉnh đối với quyết định của mình.

Ban Quản lý Khu kinh tế mở Chu Lai chịu trách nhiệm tổ chức kiểm tra, xác nhận thời điểm nhà đầu tư hoàn thành việc nghiệm thu công trình xây dựng và lắp đặt máy móc, thiết bị để dự án đầu tư hoạt động, làm cơ sở hoàn trả tiền ký quỹ đối với dự án đầu tư trên địa bàn Khu kinh tế mở Chu Lai.

d) UBND các huyện, thị xã, thành phố quyết định việc hoàn trả tiền ký quỹ và lãi tiền gửi phát sinh tương ứng đối với dự án mà Cơ quan ký Thỏa thuận ký quỹ bảo đảm thực hiện dự án đầu tư là UBND các huyện, thị xã, thành phố và chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước UBND tỉnh và Chủ tịch UBND tỉnh đối với quyết định của mình.

UBND các huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm tổ chức kiểm tra, xác nhận thời điểm nhà đầu tư hoàn thành việc nghiệm thu công trình xây dựng và lắp đặt máy móc, thiết bị để dự án đầu tư hoạt động, làm cơ sở hoàn trả tiền ký quỹ.

đ) Các Sở, Ban, ngành và địa phương có liên quan chịu trách nhiệm phối hợp với Cơ quan ký Thỏa thuận ký quỹ bảo đảm thực hiện dự án đầu tư và các cơ quan, đơn vị quy định tại các Điểm b, c và d Khoản này trong việc hoàn trả tiền ký quỹ cho nhà đầu tư.

Điều 13. Xử lý thu, sung công quỹ tiền ký quỹ bảo đảm thực hiện dự án đầu tư và lãi tiền gửi phát sinh

1. Tiền ký quỹ nộp vào ngân sách nhà nước trừ các trường hợp quy định tại Khoản 1, Điều 12 Quy định này.

2. Khi Nhà đầu tư không triển khai dự án hoặc thực hiện dự án chậm tiến độ hoặc thực hiện không đúng các nội dung đã quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc văn bản quyết định chủ trương đầu tư hoặc Quyết định của cơ quan đăng ký đầu tư mà không có lý do chính đáng được UBND tỉnh thống nhất thì Cơ quan ký Thỏa thuận ký quỹ bảo đảm thực hiện dự án đầu tư chủ trì, phối hợp với các cơ quan, địa phương liên quan lập thủ tục trình UBND tỉnh thu, sung công quỹ số tiền ký quỹ và lãi tiền gửi phát sinh tương ứng.

3. Việc xử lý thu, sung công tiền ký quỹ bảo đảm thực hiện dự án được thực hiện theo nguyên tắc sau:

a) Lần thứ nhất: Nhà nước thu, sung công quỹ 50% số tiền ký quỹ trong trường hợp nhà đầu tư chậm tiến độ thực hiện dự án vượt quá 06 tháng so với một trong các mốc tiến độ quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc văn bản quyết định chủ trương đầu tư hoặc Quyết định của cơ quan đăng ký đầu tư về việc giãn tiến độ thực hiện dự án đầu tư.

b) Lần thứ hai: Nhà nước thu, sung công quỹ số tiền ký quỹ còn lại và tiền lãi phát sinh từ khoản ký quỹ trong trường hợp nhà đầu tư vẫn chưa hoàn thành mốc tiến độ bị chậm trước đó với thời gian chậm vượt quá 06 tháng kể từ thời điểm bị xử lý thu hồi tiền ký quỹ lần thứ nhất hoặc chậm tiến độ vượt quá 12 tháng so với mốc tiến độ hoàn thành toàn bộ dự án đưa vào hoạt động quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc văn bản quyết định chủ trương đầu tư hoặc Quyết định của cơ quan đăng ký đầu tư về việc giãn tiến độ thực hiện dự án đầu tư.

Điều 14. Thỏa thuận ký quỹ bảo đảm thực hiện dự án đầu tư

1. Cơ quan ký Thỏa thuận ký quỹ bảo đảm thực hiện dự án đầu tư:

a) Ban Quản lý Khu kinh tế mở Chu Lai chịu trách nhiệm ký Thỏa thuận ký quỹ bảo đảm thực hiện dự án đầu tư đối với các dự án đầu tư trên địa bàn Khu kinh tế mở Chu Lai.

b) Sở Kế hoạch và Đầu tư chịu trách nhiệm ký Thỏa thuận ký quỹ bảo đảm thực hiện dự án đầu tư đối với các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh, trừ các dự án đầu tư quy định tại Điểm a và Điểm c Khoản này.

c) UBND các huyện, thị xã, thành phố nơi thực hiện dự án đầu tư chịu trách nhiệm ký Thỏa thuận ký quỹ bảo đảm thực hiện dự án đầu tư đối với các dự án đầu tư sản xuất, kinh doanh trong cụm công nghiệp do UBND các huyện, thị xã, thành phố hoặc các cơ quan, đơn vị sự nghiệp công lập được UBND tỉnh giao làm chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp và dự án đầu tư mà nhà đầu tư là cá nhân.

2. Trách nhiệm của Cơ quan ký Thỏa thuận ký quỹ bảo đảm thực hiện dự án đầu tư:

a) Mở tài khoản tại ngân hàng thương mại trên địa bàn tỉnh Quảng Nam để tiếp nhận tiền ký quỹ; thực hiện quản lý tiền ký quỹ, hoàn trả hoặc tham mưu thu hồi tiền ký quỹ theo đúng quy định.

b) Chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban, ngành và địa phương có liên quan và Sở Kế hoạch và Đầu tư theo dõi, kiểm tra tình hình triển khai thực hiện dự án đầu tư theo văn bản quyết định chủ trương đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có), Quyết định của cơ quan đăng ký đầu tư về việc giãn tiến độ thực hiện dự án đầu tư hoặc văn bản có giá trị pháp lý tương đương.

c) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhà đầu tư hoàn thành nộp toàn bộ số tiền ký quỹ bảo đảm thực hiện dự án, các Cơ quan ký Thỏa thuận ký quỹ bảo đảm thực hiện dự án đầu tư có trách nhiệm gửi Thỏa thuận ký quỹ bảo đảm thực hiện dự án đầu tư đã ký cho Sở Kế hoạch và Đầu tư và các Sở, ngành, địa phương có liên quan để phối hợp trong công tác theo dõi tình hình triển khai thực hiện dự án.

d) Định kỳ 06 tháng và hằng năm, các Cơ quan ký Thỏa thuận ký quỹ bảo đảm thực hiện dự án đầu tư có trách nhiệm gửi báo cáo kết quả ký Thỏa thuận ký quỹ bảo đảm thực hiện dự án đầu tư cho Sở Kế hoạch và Đầu tư để theo dõi, tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh.

đ) Báo cáo UBND tỉnh tình hình triển khai thực hiện dự án theo văn bản quyết định chủ trương đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có) hoặc Quyết định của cơ quan đăng ký đầu tư về việc giãn tiến độ thực hiện dự án đầu tư để xem xét chỉ đạo giải quyết các vướng mắc, khó khăn phát sinh hoặc xử lý theo quy định trong trường hợp nhà đầu tư vi phạm tiến độ.

3. Nhà đầu tư chịu trách nhiệm báo cáo tình hình triển khai thực hiện dự án cho Cơ quan ký Thỏa thuận ký quỹ bảo đảm thực hiện dự án đầu tư để theo dõi, tổng hợp và báo cáo UBND tỉnh.

4. Biểu mẫu Thỏa thuận ký quỹ bảo đảm thực hiện dự án đầu tư được quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Quy định này.

5. Thời điểm ký Thỏa thuận ký quỹ bảo đảm thực hiện dự án đầu tư:

a) Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày dự án được quyết định chủ trương đầu tư, chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (đối với các dự án đầu tư không thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư) nhưng phải trước thời điểm giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất, các Cơ quan ký Thỏa thuận ký quỹ bảo đảm thực hiện dự án đầu tư tổ chức ký Thỏa thuận ký quỹ bảo đảm thực hiện dự án đầu tư với nhà đầu tư.

b) Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày ký Thỏa thuận ký quỹ bảo đảm thực hiện dự án đầu tư, nhưng phải trước thời điểm giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất, nhà đầu tư phải nộp toàn bộ số tiền ký quỹ vào tài khoản của Cơ quan ký Thỏa thuận ký quỹ bảo đảm thực hiện dự án đầu tư.

c) Trong thời gian quy định tại Điểm a và Điểm b, Khoản 5 Điều này mà nhà đầu tư không ký Thỏa thuận ký quỹ bảo đảm thực hiện dự án đầu tư hoặc đã ký Thỏa thuận ký quỹ bảo đảm thực hiện dự án đầu tư nhưng không hoàn thành nộp toàn bộ số tiền ký quỹ bảo đảm thực hiện dự án mà không có sự thống nhất bằng văn bản của UBND tỉnh thì cơ quan ký Thỏa thuận ký quỹ bảo đảm thực

hiện dự án đầu tư báo cáo, tham mưu UBND tỉnh quyết định chấm dứt nghiên cứu đầu tư, chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư và thực hiện các thủ tục thu hồi, hủy bỏ hiệu lực các văn bản đã được cấp liên quan đến dự án đầu tư.

Điều 15. Quản lý tiền ký quỹ và tiền lãi phát sinh của tiền ký quỹ

1. Trong thời gian thực hiện việc ký quỹ, Cơ quan ký Thỏa thuận ký quỹ bảo đảm thực hiện dự án đầu tư có trách nhiệm quản lý số tiền ký quỹ của nhà đầu tư đã nộp và chỉ thực hiện hoàn trả tiền ký quỹ và tiền lãi phát sinh của tiền ký quỹ theo quy định tại Điều 12 Quy định này.

2. Lãi suất tiền gửi phát sinh của tiền ký quỹ được xác định theo mức lãi suất do ngân hàng thương mại nơi mở tài khoản tiếp nhận tiền ký quỹ xác định tại thời điểm nhà đầu tư hoàn thành nộp tiền ký quỹ vào tài khoản của Cơ quan ký Thỏa thuận ký quỹ bảo đảm thực hiện dự án đầu tư.

Chương IV

XỬ LÝ PHẢN ÁNH, KIẾN NGHỊ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ, DOANH NGHIỆP

Điều 16. Nội dung và hình thức phản ánh, kiến nghị

1. Nội dung phản ánh, kiến nghị của nhà đầu tư, doanh nghiệp bao gồm:

a) Phản ánh của nhà đầu tư, doanh nghiệp với cơ quan hành chính nhà nước về những vướng mắc cụ thể trong quá trình triển khai dự án đầu tư, hoạt động sản xuất, kinh doanh của nhà đầu tư, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Nam; sự không hợp pháp, không hợp lý, không đồng bộ, không thống nhất với hệ thống pháp luật Việt Nam và những vấn đề khác.

b) Kiến nghị của nhà đầu tư, doanh nghiệp với cơ quan hành chính nhà nước theo quy định tại Điểm a Khoản này và đề xuất phương án xử lý.

2. Phản ánh, kiến nghị của nhà đầu tư, doanh nghiệp được thực hiện thông qua một trong các hình thức sau:

a) Văn bản gửi đến các cơ quan, tổ chức.

b) Các buổi tiếp doanh nghiệp định kỳ hằng tháng.

c) Cổng thông tin hỗ trợ doanh nghiệp tỉnh Quảng Nam.

d) Đối thoại doanh nghiệp được UBND tỉnh tổ chức theo ngành và lĩnh vực.

đ) Gặp gỡ, đối thoại doanh nghiệp tại các địa phương.

e) Các phiếu khảo sát, thăm dò khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp.

g) Thông tin từ doanh nghiệp qua điện thoại tới đường dây nóng hoặc trang thông tin điện tử của các cơ quan, tổ chức.

3. Nội dung, hình thức phản ánh, kiến nghị của nhà đầu tư, doanh nghiệp quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều này và các nội dung có liên quan đến việc xử lý phản ánh, kiến nghị của nhà đầu tư, doanh nghiệp không áp dụng đối với trường hợp khiếu nại, tố cáo và giải quyết khiếu nại, tố cáo.

Điều 17. Nguyên tắc xác định trách nhiệm xử lý phản ánh, kiến nghị

1. Bảo đảm đúng quy định của pháp luật hiện hành theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn đối với công tác xử lý phản ánh, kiến nghị của các doanh nghiệp; đảm bảo hỗ trợ lẫn nhau, tránh bỏ sót, chồng chéo trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ; không gây khó khăn, phiền hà hoặc kéo dài thời gian giải quyết.

2. Mỗi lĩnh vực do một cơ quan, đơn vị chịu trách nhiệm chính, chủ trì và tổ chức phối hợp trong công tác xử lý phản ánh, kiến nghị của các doanh nghiệp; các cơ quan khác có trách nhiệm phối hợp theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được pháp luật quy định.

3. Khi xem xét chế độ trách nhiệm của người đứng đầu để khen thưởng, hoặc xử lý kỷ luật phải khách quan, đúng người, đúng việc, trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể của người đứng đầu và các quy định của pháp luật liên quan.

4. Thời gian xử lý phản ánh, kiến nghị của các doanh nghiệp thực hiện theo Quy định này trừ các trường hợp có quy định riêng thì thực hiện theo quy định đó.

Điều 18. Quy trình xử lý phản ánh, kiến nghị của cơ quan nhà nước

1. Đối với phản ánh, kiến nghị khi triển khai dự án đầu tư, hoạt động sản xuất, kinh doanh do hành vi chậm trễ, gây phiền hà, không thực hiện hoặc thực hiện không đúng quy định hành chính, cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý phải xử lý theo đúng quy trình đã được pháp luật quy định.

2. Đối với phản ánh, kiến nghị về những vướng mắc cụ thể, các cơ quan căn cứ thẩm quyền quy định khi xử lý tuân thủ quy trình sau:

a) Làm việc trực tiếp với doanh nghiệp có phản ánh, kiến nghị để làm rõ những nội dung liên quan (khi cần thiết).

b) Nghiên cứu, đánh giá và phân loại phản ánh, kiến nghị: phản ánh, kiến nghị chưa đủ căn cứ xem xét xử lý, cần tiếp tục thu thập thêm thông tin; phản ánh, kiến nghị có đủ căn cứ xem xét xử lý.

c) Quyết định xử lý hoặc phối hợp với các cơ quan khác để xử lý.

d) Ban hành văn bản xử lý hoặc thông báo kết luận.

đ) Công khai kết quả xử lý phản ánh, kiến nghị.

e) Tổ chức lưu giữ hồ sơ về phản ánh, kiến nghị đã được xử lý theo quy định về lưu trữ hồ sơ.

Điều 19. Hình thức xử lý phản ánh, kiến nghị

Cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý phản ánh, kiến nghị lựa chọn một trong các hình thức xử lý sau đây:

1. Ban hành theo thẩm quyền các văn bản thông báo ý kiến của cơ quan nhà nước về từng trường hợp vướng mắc, khó khăn cụ thể của doanh nghiệp.

2. Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ quy định hành chính hoặc các chỉ đạo, điều hành thuộc thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ những nội dung không phù hợp.

3. Ban hành theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền ban hành quy định hành chính hoặc các chỉ đạo, điều hành mới phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và quản lý nhà nước.

Điều 20. Trách nhiệm của các Sở, Ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố

1. Xử lý phản ánh, kiến nghị của nhà đầu tư, doanh nghiệp sau 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được kiến nghị của doanh nghiệp hoặc Sở Kế hoạch và Đầu tư chuyển đến; thực hiện nghiêm thông báo kết luận của UBND tỉnh về chỉ đạo xử lý đối với phản ánh, kiến nghị của nhà đầu tư, doanh nghiệp; định kỳ hàng quý tổng hợp tình hình gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, báo cáo, tham mưu UBND tỉnh.

2. Đối với những phản ánh, kiến nghị của nhà đầu tư, doanh nghiệp về những việc cụ thể trong thực hiện quy định hành chính thì cơ quan hành chính nhà nước có thẩm quyền phải xử lý theo đúng quy trình tại Nghị định số 20/2008/NĐ-CP ngày 14/2/2008 của Chính phủ về tiếp nhận và xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính.

3. Xử lý hoặc báo cáo cơ quan có thẩm quyền xử lý phản ánh, kiến nghị trong việc thực hiện chính sách, pháp luật, quy định của nhà nước và trả lời doanh nghiệp. Trường hợp vượt thẩm quyền phải có ý kiến chính thức về phương án đề xuất xử lý và thông tin cho doanh nghiệp biết, hướng dẫn doanh nghiệp liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để được xem xét giải quyết. Thời hạn xử lý phản ánh, kiến nghị cụ thể như sau:

a) Đối với phản ánh, kiến nghị thuộc thẩm quyền của đơn vị hoặc thẩm quyền của các cơ quan cấp dưới, trong vòng 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được phản ánh, kiến nghị thì phải có văn bản trả lời kết quả xử lý.

b) Đối với phản ánh, kiến nghị thuộc thẩm quyền xử lý của cơ quan cấp trên và trong phạm vi tham mưu của đơn vị thì trong vòng 02 ngày làm việc phải có văn bản báo cáo với cơ quan cấp trên và thông báo cho doanh nghiệp biết.

c) Đối với phản ánh, kiến nghị không thuộc thẩm quyền giải quyết của đơn vị mà thuộc đơn vị khác cùng cấp thì trong vòng 02 ngày làm việc phải hướng dẫn doanh nghiệp bằng văn bản.

d) Đối với những phản ánh, kiến nghị phức tạp được kéo dài thời gian xử lý, yêu cầu trong vòng 15 ngày làm việc phải có văn bản thông báo quá trình xử lý trong đó nêu rõ thời hạn trả lời cho doanh nghiệp.

4. Tiếp thu, giải trình, trả lời phản ánh, kiến nghị của nhà đầu tư, doanh nghiệp trong việc tham gia ý kiến vào dự thảo các văn bản quy phạm pháp luật với cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

5. Tham dự tất cả các cuộc họp về giải quyết phản ánh, kiến nghị của nhà đầu tư, doanh nghiệp; cử người dự họp đúng thành phần, trường hợp người thuộc thành phần mời họp không đến dự được thì phải cử người dự họp thay và phải được người chủ trì cuộc họp thống nhất; nếu không cử được người dự họp thì trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày diễn ra cuộc họp phải có ý kiến bằng văn bản về các nội dung có liên quan gửi cơ quan chủ trì cuộc họp.

6. Tổ chức lưu trữ hồ sơ, tài liệu và cơ sở dữ liệu phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính và kết quả xử lý; công khai kết quả xử lý phản ánh, kiến nghị bằng cách niêm yết văn bản thông báo kết quả xử lý tại trụ sở cơ quan và gửi cho doanh nghiệp có phản ánh, kiến nghị, đăng tải thông tin về phản ánh, kiến nghị và kết quả xử lý trên cổng thông tin điện tử của đơn vị và phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông để đăng tải lên Cổng thông tin điện tử của tỉnh, Báo Quảng Nam, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, truyền hình địa phương liên quan.

7. Đôn đốc, kiểm tra, giám sát và kịp thời có biện pháp cần thiết để chấn chỉnh kỷ luật, kỷ cương hành chính trong xử lý phản ánh, kiến nghị của nhà đầu tư, doanh nghiệp; xử lý các vi phạm của cán bộ, công chức trong thực hiện công tác xử lý phản ánh, kiến nghị của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

8. Phối hợp với Sở, Ban, ngành và các cơ quan liên quan trong việc xử lý phản ánh, kiến nghị của các nhà đầu tư, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

9. Rà soát sửa đổi, bổ sung hoặc đề xuất cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung các cơ chế, chính sách, văn bản quy phạm pháp luật liên quan nhằm nâng cao hiệu quả công tác xử lý phản ánh, kiến nghị của nhà đầu tư, doanh nghiệp.

10. Bố trí cán bộ, công chức, viên chức, phương tiện làm việc để tiếp nhận phản ánh, kiến nghị của nhà đầu tư, doanh nghiệp; công bố công khai địa chỉ cơ quan, địa chỉ thư tín, tên và số điện thoại của lãnh đạo và cán bộ phụ trách tiếp nhận phản ánh, kiến nghị của nhà đầu tư, doanh nghiệp.

Điều 21. Trách nhiệm của Sở Kế hoạch và Đầu tư

1. Phối hợp với các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh đề xuất tổng hợp phương án xử lý phản ánh, kiến nghị của nhà đầu tư, doanh nghiệp thông qua các cuộc gặp gỡ các doanh nghiệp, buổi tiếp doanh nghiệp định kỳ hằng tháng; hội nghị đối thoại doanh nghiệp theo chủ đề và lĩnh vực đề báo cáo UBND tỉnh quyết định.

2. Đăng tải nội dung giải quyết phản ánh, kiến nghị của nhà đầu tư, doanh nghiệp của cơ quan có thẩm quyền trên Trang thông tin điện tử của Sở Kế hoạch và Đầu tư, Cổng thông tin điện tử tỉnh; tổ chức lưu trữ hồ sơ về phản ánh, kiến nghị đã được xử lý theo quy định về lưu trữ.

3. Theo dõi, đôn đốc các cơ quan liên quan trong công tác xử lý các phản ánh, kiến nghị của nhà đầu tư, doanh nghiệp thuộc thẩm quyền xử lý theo quy định; thu thập ý kiến phản hồi của doanh nghiệp, các Sở, ngành, địa phương về quá trình và kết quả xử lý phản ánh, kiến nghị; báo cáo tình hình, kết quả xử lý phản ánh, kiến nghị theo thông báo kết luận để UBND tỉnh theo dõi, chỉ đạo.

4. Tổng hợp và báo cáo công tác xử lý phản ánh, kiến nghị của nhà đầu tư, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh từ báo cáo của các Sở, Ban, ngành, địa phương theo định kỳ hằng quý hoặc theo yêu cầu của UBND tỉnh.

5. Chủ trì cùng với các cơ quan chuyên ngành tham mưu UBND tỉnh rà soát sửa đổi, bổ sung, ban hành hoặc đề xuất cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, ban hành cơ chế, chính sách, văn bản quy phạm pháp luật về công tác xử lý phản ánh, kiến nghị của nhà đầu tư, doanh nghiệp.

6. Phối hợp với Đài Phát thanh - Truyền hình Quảng Nam, Báo Quảng Nam, Cổng thông tin điện tử tỉnh và các cơ quan thông tấn, báo chí xây dựng chương trình, kế hoạch tuyên truyền về công tác xử lý phản ánh, kiến nghị của doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

Chương V

CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Điều 22. Các trường hợp dự án đầu tư bị chấm dứt hoạt động

1. Nhà đầu tư quyết định chấm dứt hoạt động của dự án;

2. Theo các điều kiện chấm dứt hoạt động được quy định trong hợp đồng, điều lệ doanh nghiệp;

3. Hết thời hạn hoạt động của dự án đầu tư;

4. Dự án đầu tư thuộc một trong các trường hợp sau đây mà nhà đầu tư không có khả năng khắc phục điều kiện ngừng hoạt động:

a) Thủ tướng Chính phủ quyết định ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động của dự án đầu tư trong trường hợp việc thực hiện dự án có nguy cơ ảnh hưởng đến an ninh quốc gia theo đề nghị của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

b) Cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư quyết định ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động của dự án đầu tư trong các trường hợp: Để bảo vệ di tích, di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia theo quy định của Luật di sản văn hóa; để khắc phục vi phạm môi trường theo đề nghị của cơ quan nhà nước quản lý về môi trường; để thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn lao động theo đề nghị của cơ quan nhà nước quản lý về lao động; theo quyết định, bản án của Tòa án, Trọng tài; nhà đầu tư không thực hiện đúng nội dung Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và đã bị xử lý vi phạm hành chính nhưng tiếp tục vi phạm.

5. Nhà đầu tư bị Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án đầu tư hoặc không được tiếp tục sử dụng địa điểm đầu tư và không thực hiện thủ tục điều chỉnh địa điểm đầu tư trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày có quyết định thu hồi đất hoặc không được tiếp tục sử dụng địa điểm đầu tư;

6. Dự án đầu tư đã ngừng hoạt động và hết thời hạn 12 tháng kể từ ngày ngừng hoạt động, cơ quan đăng ký đầu tư không liên lạc được với nhà đầu tư hoặc đại diện hợp pháp của nhà đầu tư;

7. Sau 12 tháng mà nhà đầu tư không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện dự án theo tiến độ quy định tại văn bản quyết định chủ trương đầu tư, chấp thuận chủ trương đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư, Quyết định của cơ quan đăng ký đầu tư về việc giãn tiến độ thực hiện dự án đầu tư hoặc theo các văn bản có liên quan đến dự án đầu tư và không thuộc trường hợp được giãn tiến độ thực hiện dự án đầu tư theo quy định.

8. Theo bản án, quyết định của Tòa án, Trọng tài.

Điều 23. Thủ tục chấm dứt hoạt động của dự án thuộc trường hợp quy định tại các Khoản 1, 2, và 3 Điều 22 Quy định này

1. Trường hợp tự quyết định chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư theo quy định tại Khoản 1, Điều 22 Quy định này, nhà đầu tư gửi quyết định chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư cho Cơ quan đăng ký đầu tư trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày quyết định, kèm theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có);

2. Trường hợp chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư theo các điều kiện quy định trong hợp đồng, điều lệ doanh nghiệp hoặc hết thời hạn hoạt động của dự án đầu tư theo quy định tại Khoản 2 và 3 Điều 22 Quy định này, nhà đầu tư thông báo và nộp lại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có) cho Cơ quan đăng ký đầu tư trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư kèm theo bản sao tài liệu ghi nhận việc chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư.

Điều 24. Thủ tục chấm dứt hoạt động của dự án thuộc trường hợp quy định tại các Khoản 4, 5, 7 và 8 Điều 22 Quy định này

1. Các Sở, Ban, ngành, địa phương theo chức năng, nhiệm vụ và địa bàn được giao quản lý chủ trì rà soát các nội dung có liên quan đến dự án đầu tư (trường hợp cần thiết có thể tổ chức kiểm tra tình hình thực hiện dự án) để báo cáo, tham mưu trình UBND tỉnh xem xét về chủ trương chấm dứt thực hiện dự án đầu tư, cụ thể:

a) Các Sở, ngành chịu trách nhiệm báo cáo, tham mưu chủ trương chấm dứt hoạt động đối với các dự án đầu tư do Sở, Ban, ngành ký Thỏa thuận ký quỹ bảo đảm thực hiện dự án đầu tư hoặc dự án thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước cho Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định trình UBND tỉnh xem xét quyết định.

b) Ban Quản lý Khu kinh tế mở Chu Lai chịu trách nhiệm báo cáo, tham mưu trình UBND tỉnh chủ trương chấm dứt hoạt động đối với các dự án đầu tư trên địa bàn Khu kinh tế mở Chu Lai thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của UBND tỉnh và các dự án do UBND tỉnh giao thỏa thuận nghiên cứu.

c) UBND các huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm báo cáo, tham mưu chủ trương chấm dứt hoạt động đối với các dự án đầu tư do UBND các huyện, thị xã, thành phố thỏa thuận nghiên cứu đầu tư quy định tại Khoản 3 và 4, Điều 7 Quy định này cho Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định trình UBND tỉnh xem xét quyết định.

2. UBND tỉnh ban hành văn bản về chủ trương chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư.

3. Cơ quan đăng ký đầu tư quyết định chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư, đồng thời thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư không còn hiệu lực kể từ ngày ký quyết định chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư.

Đối với dự án đầu tư hoạt động theo Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc Giấy phép đầu tư, Cơ quan đăng ký đầu tư quyết định chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư mà không thu hồi Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc Giấy phép đầu tư. Trong trường hợp này, nội dung đăng ký kinh doanh tại Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh), Giấy phép đầu tư tiếp tục có hiệu lực.

4. Các Sở, Ban, ngành và địa phương có liên quan căn cứ quyết định chấm dứt thực hiện dự án đầu tư của cơ quan đăng ký đầu tư để thực hiện thu hồi theo thẩm quyền hoặc tham mưu, trình UBND tỉnh thu hồi hoặc quyết định chấm dứt hiệu lực thi hành hoặc huỷ bỏ các hồ sơ có liên quan đến dự án đầu tư theo đúng quy định của pháp luật, cụ thể:

a) Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm chủ trì tham mưu UBND tỉnh quyết định giải quyết thủ tục đất đai theo quy định.

b) Sở Xây dựng chịu trách nhiệm thu hồi theo thẩm quyền hoặc tham mưu, trình UBND tỉnh thu hồi hoặc quyết định chấm dứt hiệu lực thi hành hoặc huỷ bỏ các hồ sơ pháp lý có liên quan trong lĩnh vực quy hoạch, xây dựng đã cấp cho dự án đầu tư theo đúng quy định của pháp luật về xây dựng.

c) Ban Quản lý Khu kinh tế mở Chu Lai theo chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền được phân cấp chịu trách nhiệm thực hiện thu hồi hoặc tham mưu, trình UBND tỉnh thu hồi hoặc quyết định chấm dứt hiệu lực thi hành hoặc huỷ bỏ các hồ sơ pháp lý có liên quan đến dự án đầu tư theo quy định.

d) Các Sở, ngành có liên quan khác và UBND các huyện, thị xã, thành phố căn cứ quy định của pháp luật để thực hiện thu hồi hoặc tham mưu trình UBND tỉnh thu hồi các giấy phép, hồ sơ pháp lý đã cấp cho dự án đầu tư.

Điều 25. Chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư trong trường hợp Cơ quan đăng ký đầu tư không liên lạc được với nhà đầu tư

1. Trường hợp dự án đầu tư ngừng hoạt động và Cơ quan đăng ký đầu tư không liên lạc được với nhà đầu tư hoặc đại diện hợp pháp của nhà đầu tư, Cơ quan đăng ký đầu tư thực hiện thủ tục sau:

a) Lập biên bản về việc dự án đầu tư ngừng hoạt động và không liên lạc được với nhà đầu tư;

b) Gửi văn bản yêu cầu nhà đầu tư liên lạc với Cơ quan đăng ký đầu tư để giải quyết việc chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư đến địa chỉ mà nhà đầu tư đăng ký với Cơ quan đăng ký đầu tư. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày gửi văn bản theo quy định tại Điều này mà nhà đầu tư không liên lạc, Cơ quan đăng ký đầu tư thực hiện thủ tục quy định tại Điểm c Khoản này;

c) Gửi văn bản đề nghị hỗ trợ liên lạc với nhà đầu tư đến UBND cấp xã nơi nhà đầu tư cư trú (đối với nhà đầu tư trong nước là cá nhân), cơ quan đại diện ngoại giao tại Việt Nam của nước mà nhà đầu tư mang quốc tịch (đối với nhà đầu tư nước ngoài) đồng thời đăng tải thông báo yêu cầu nhà đầu tư liên lạc với Cơ quan đăng ký đầu tư để giải quyết việc chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư trong thời hạn 90 ngày trên Cổng thông tin quốc gia về đầu tư nước ngoài.

2. Sau khi thực hiện các biện pháp quy định tại Khoản 1 Điều này và hết thời hạn 12 tháng kể từ ngày dự án đầu tư ngừng hoạt động mà không liên lạc được với nhà đầu tư hoặc đại diện hợp pháp của nhà đầu tư, Cơ quan đăng ký đầu tư quyết định chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư.

3. Việc quản lý tài sản của dự án đầu tư sau khi Cơ quan đăng ký đầu tư quyết định chấm dứt hoạt động thực hiện theo quy định của pháp luật dân sự về quản lý tài sản của người vắng mặt tại nơi cư trú.

4. Trong phạm vi chức năng, thẩm quyền của mình, các cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện các nhiệm vụ sau:

a) Cơ quan đăng ký đầu tư chỉ định người giám sát việc quản lý tài sản của dự án đầu tư bị chấm dứt hoạt động theo quy định tại Điều này khi có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, người có quyền, lợi ích liên quan, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác;

b) Cơ quan thuế, hải quan có trách nhiệm thực hiện các biện pháp theo quy định của pháp luật về quản lý thuế và pháp luật có liên quan để thu hồi nợ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác của nhà đầu tư đối với nhà nước (nếu có);

c) Cơ quan quản lý nhà nước về đất đai thực hiện thu hồi đất, xử lý tài sản gắn liền với đất trong trường hợp dự án đầu tư thuộc diện thu hồi đất theo quy định của pháp luật về đất đai;

d) Cơ quan quản lý nhà nước về lao động đề xuất, hướng dẫn hỗ trợ người lao động bị mất việc làm và giải quyết các chế độ liên quan theo quy định của pháp luật về lao động;

đ) Cơ quan nhà nước có thẩm quyền khác thực hiện hoạt động quản lý nhà nước đối với dự án đầu tư trong phạm vi chức năng, thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

5. Mọi yêu cầu hoặc tranh chấp giữa nhà đầu tư với cá nhân, tổ chức về các quyền, nghĩa vụ liên quan đến dự án đầu tư quy định tại Điều này được giải quyết tại Tòa án, Trọng tài theo thỏa thuận giữa các bên và quy định của pháp luật.

Điều 26. Chấm dứt chủ trương nghiên cứu đầu tư

1. Khi hết thời hạn nghiên cứu đầu tư quy định tại văn bản Thỏa thuận nghiên cứu đầu tư hoặc các văn bản khác có liên quan đến việc thống nhất chủ trương cho phép nghiên cứu đầu tư của cơ quan có thẩm quyền thì dự án đầu tư bị chấm dứt nghiên cứu đầu tư.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Xây dựng, Ban Quản lý Khu kinh tế mở Chu Lai đầu tư chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, địa phương có liên quan tham mưu UBND tỉnh chấm dứt chủ trương nghiên cứu đầu tư đối với các dự án đầu tư do UBND tỉnh thỏa thuận nghiên cứu đầu tư hoặc thống nhất chủ trương cho phép khảo sát, nghiên cứu đầu tư.

3. Ban Quản lý Khu kinh tế mở Chu Lai chịu trách nhiệm ban hành văn bản chấm dứt chủ trương nghiên cứu đầu tư đối với các dự án đầu tư trên địa bàn Khu kinh tế mở Chu Lai do Ban Quản lý Khu kinh tế mở Chu Lai thỏa thuận nghiên cứu đầu tư.

4. UBND các huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm ban hành văn bản chấm dứt chủ trương nghiên cứu đầu tư đối với các dự án đầu tư do UBND các huyện, thị xã, thành phố thỏa thuận nghiên cứu đầu tư.

Điều 27. Thanh tra, kiểm tra công tác sử dụng đất trong trường hợp nhà đầu tư chậm tiến độ thực hiện dự án

1. Các dự án đầu tư thuộc một trong các trường hợp sau đây thì cơ quan Tài nguyên và Môi trường, Thanh tra tỉnh hoặc cơ quan, đơn vị được UBND tỉnh giao nhiệm vụ tổ chức thanh tra, kiểm tra công tác sử dụng đất để xác định hành vi vi phạm theo quy định của Luật Đất đai:

a) Dự án được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất mà đất không được sử dụng trong thời hạn 12 tháng liên tục hoặc tiến độ sử dụng đất chậm 24 tháng so với tiến độ ghi trong dự án đầu tư kể từ khi nhận bàn giao đất trên thực địa phải đưa đất vào sử dụng.

b) Dự án được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất mà đã được cơ quan đăng ký đầu tư ban hành Quyết định giãn tiến độ đầu tư tối đa 24 tháng (trừ trường hợp bất khả kháng theo quy định của pháp luật) theo quy định tại điều 46, Luật Đầu tư ngày 26/11/2014 nhưng vẫn chưa thực hiện theo đúng tiến độ quy định tại văn bản về việc giãn tiến độ đầu tư.

c) Nhà đầu tư không thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước và đã bị xử phạt vi phạm hành chính mà không chấp hành;

d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật hoặc chỉ đạo của UBND tỉnh.

2. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị trong việc đề xuất tổ chức thanh tra, kiểm tra công tác sử dụng đất:

a) Thanh tra tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm tổ chức thanh tra công tác sử dụng đất (hoặc đề xuất, tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo thanh tra) theo quy định của Luật Đất đai và các quy định có liên quan.

b) Thanh tra của UBND huyện, thị xã, thành phố tổ chức thanh tra công tác sử dụng đất theo nhiệm vụ được UBND tỉnh giao. Kết quả thanh tra của UBND huyện, thị xã, thành phố báo cáo về Thanh tra tỉnh để tham mưu UBND tỉnh xem xét, quyết định.

c) Cơ quan đăng ký đầu tư báo cáo, tham mưu đề xuất UBND tỉnh xem xét việc tổ chức thanh tra sử dụng đất đối với dự án đầu tư mà nhà đầu tư đề nghị điều chỉnh Quyết định chủ trương đầu tư, điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc đề nghị giãn tiến độ đầu tư đối với các dự án quy định tại các Điểm a và b Khoản 1 Điều này.

d) Cơ quan ký Thỏa thuận ký quỹ bảo đảm thực hiện dự án đầu tư chịu trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban, ngành và địa phương có liên quan theo dõi, kiểm tra tình hình triển khai thực hiện dự án đầu tư theo văn bản quyết định chủ trương đầu tư hoặc văn bản có giá trị pháp lý tương đương, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có) để báo cáo, tham mưu đề xuất UBND tỉnh xem xét việc tổ chức thanh tra sử dụng đất theo quy định.

3. Quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác định hành vi vi phạm pháp luật về đất đai và các quy định của pháp luật có liên quan là cơ sở để xem xét gia hạn thời hạn sử dụng đất hoặc xử lý chấm dứt hoạt động của dự án theo quy định.

4. Trách nhiệm triển khai thực hiện và theo dõi, báo cáo kết quả thực hiện Quyết định xử lý kết luận thanh tra của cơ quan nhà nước có thẩm quyền:

a) Nhà đầu tư chịu trách nhiệm thi hành kịp thời và đầy đủ các nội dung công việc theo yêu cầu tại Quyết định xử lý kết luận thanh tra.

b) Các Sở, Ban, ngành địa phương có liên quan căn cứ nhiệm vụ được giao tại Quyết định xử lý kết luận thanh tra để triển khai thực hiện và báo cáo kết quả cho cơ quan chủ trì tham mưu ban hành Quyết định xử lý kết luận thanh tra để theo dõi, tổng hợp, báo cáo.

c) Cơ quan chủ trì tham mưu ban hành Quyết định xử lý kết luận thanh tra chịu trách nhiệm theo dõi, đôn đốc các Sở, Ban, ngành địa phương có liên quan và nhà đầu tư tổ chức thực hiện Quyết định xử lý kết luận thanh tra; kịp thời báo cáo, tham mưu cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét giải quyết các nội dung có liên quan theo đúng quy định.

Điều 28. Công tác thanh tra, kiểm tra tình hình thực hiện dự án đầu tư

1. Các Sở, Ban, ngành địa phương có liên quan căn cứ nhiệm vụ được giao tổ chức thanh tra, kiểm tra tình hình thực hiện dự án theo các giấy phép, các hồ sơ, văn bản có liên quan đến dự án đầu tư do cơ quan, đơn vị, địa phương mình đã ban hành hoặc tham mưu cơ quan có thẩm quyền đã ban hành theo đúng quy định của pháp luật.

2. Qua công tác kiểm tra, thanh tra, nếu phát hiện nhà đầu tư vi phạm các quy định có liên quan của pháp luật, vi phạm tiến độ trong quá trình triển khai thực hiện dự án đầu tư thì cơ quan chủ trì tổ chức việc kiểm tra, thanh tra phải có biện pháp xử lý theo quy định của pháp luật hoặc báo cáo, tham mưu UBND tỉnh xem xét chỉ đạo xử lý.

Điều 29. Một số quy định khác có liên quan đến công tác xử lý chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư hoặc giãn tiến độ đầu tư

1. Văn bản về việc gia hạn tiến độ hoặc giãn tiến độ đầu tư phải được ban hành dưới hình thức quyết định của UBND tỉnh hoặc quyết định của cơ quan đăng ký đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư.

2. Văn bản quyết định chủ trương đầu tư và văn bản quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư chấm dứt hiệu lực theo quy định tại văn bản đó hoặc trong trường hợp dự án đầu tư chấm dứt hoạt động theo quy định tại Điều 22 Quy định này.

3. Trường hợp chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư đồng thời chấm dứt hoạt động của tổ chức kinh tế thì dự án đầu tư chấm dứt hoạt động theo quy định tại Điều 24, Điều 25 Quy định này và nhà đầu tư thực hiện thủ tục chấm dứt hoạt động của tổ chức kinh tế theo quy định của pháp luật tương ứng với từng loại hình tổ chức kinh tế.

4. Sau khi dự án đầu tư chấm dứt hoạt động, việc thanh lý dự án đầu tư thực hiện như sau:

a) Nhà đầu tư tự thanh lý dự án đầu tư theo quy định của pháp luật về thanh lý tài sản;

b) Đối với dự án đầu tư được nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất thì quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất được thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai;

c) Trong quá trình thanh lý dự án đầu tư, nếu nhà đầu tư là tổ chức kinh tế bị giải thể hoặc lâm vào tình trạng phá sản thì việc thanh lý dự án đầu tư thực hiện theo quy định của pháp luật về giải thể, phá sản tổ chức kinh tế.

5. Trừ trường hợp được gia hạn, dự án đầu tư bị Nhà nước thu hồi đất và nhà đầu tư không tự thanh lý tài sản gắn liền với đất trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày bị thu hồi đất, cơ quan ra quyết định thu hồi đất tổ chức thanh lý tài sản gắn liền với đất.

**Chương VI
TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 30. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị

1. Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố có trách nhiệm thi hành nghiêm các nội dung của Quy định này; công bố công khai trên trang thông tin điện tử của đơn vị; chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND tỉnh về hiệu quả giải quyết công việc; chú trọng kiện toàn bộ máy tổ chức và năng lực của đội ngũ cán bộ, công chức trực tiếp giải quyết công việc liên quan các dự án đầu tư sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh.

2. Các Sở, Ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm điều chỉnh, bổ sung các quy định tại đơn vị phù hợp với nội dung Quy định này.

Điều 31. Xử lý chuyển tiếp

1. Đối với các dự án đầu tư mà nhà đầu tư đã nộp các hồ sơ để thực hiện các thủ tục liên quan trước ngày Quy định này có hiệu lực thi hành thì các Sở, Ban, ngành và địa phương liên quan có trách nhiệm giải quyết hồ sơ theo thực tế đã tiếp nhận. Trường hợp nhà đầu tư có yêu cầu thực hiện theo Quy định này thì hướng dẫn nhà đầu tư thực hiện theo Quy định này.

2. Xử lý đối với các trường hợp dự án đầu tư mà nhà đầu tư đã hoàn thành ký Bản cam kết thực hiện dự án trước ngày Quy định này có hiệu lực thi hành:

a) Đối với các dự án đầu tư mà nhà đầu tư đã hoàn thành việc nộp tiền ký quỹ bảo đảm thực hiện dự án đầu tư trước ngày Quy định này có hiệu lực thi hành thì không thực hiện ký quỹ theo Quy định này. Trường hợp nhà đầu tư chưa hoàn thành việc nộp tiền ký quỹ thì việc thực hiện nghĩa vụ ký quỹ được thực hiện theo Quy định này.

b) Việc hoàn trả tiền ký quỹ hoặc xử lý thu, sung công quỹ tiền ký quỹ bảo đảm thực hiện dự án được thực hiện theo Quy định này.

Điều 32. Điều khoản thi hành

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc phát sinh hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ một số thủ tục hành chính liên quan thì các Sở, Ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố báo cáo UBND tỉnh (thông qua Sở Kế hoạch và Đầu tư) xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Trí Thanh

Phụ lục 1
DANH MỤC CÁC DỰ ÁN, LĨNH VỰC ĐẦU TƯ CÓ TIỀM ẨN
TÁC ĐỘNG LỚN VỀ MÔI TRƯỜNG¹

(Kèm theo Quyết định số 3352/QĐ-UBND ngày 22 /10 /2019 của UBND tỉnh Quảng Nam)

TT	Nhóm danh mục các dự án, lĩnh vực đầu tư ²
1	Dự án có sử dụng đất hoặc mặt nước của vườn quốc gia, khu bảo tồn thiên nhiên, khu di sản thế giới, khu dự trữ sinh quyển (trừ các dự án đầu tư xây dựng công trình quản lý bảo vệ vườn quốc gia, khu bảo tồn thiên nhiên, khu di sản thế giới, khu dự trữ sinh quyển theo quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt; các dự án nằm trong vùng chuyển tiếp của khu dự trữ sinh quyển).
2	Dự án sử dụng đất rừng tự nhiên, phòng hộ, đặc dụng.
3	Dự án xây dựng nhà máy nhiệt điện, thủy điện.
4	Dự án xây dựng có lấn sông, lấn biển.
5	Dự án xây dựng công trình giao thông ngầm.
6	Dự án khai thác, chế biến, tinh chế khoáng sản độc hại; Dự án chế biến khoáng sản rắn có sử dụng hóa chất độc hại; Dự án chế biến, tinh chế kim loại màu; Dự án tuyển, làm giàu đất hiếm, khoáng sản có tính phóng xạ.
7	Dự án xây dựng cơ sở tái chế, xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại; Dự án xây dựng cơ sở sản xuất có sử dụng phế liệu làm nguyên liệu sản xuất.
8	Dự án xây dựng cơ sở sản xuất xi măng, clinke, linh kiện, thiết bị điện, điện tử.
9	Dự án xây dựng nhà máy luyện kim; cơ sở sản xuất có công đoạn xi mạ, công đoạn làm sạch bề mặt kim loại bằng hóa chất; cơ sở sản xuất pin, ắc quy.
10	Dự án xây dựng cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung; cơ sở chăn nuôi gia súc, gia cầm tập trung; cơ sở chăm sóc động vật hoang dã tập trung.
11	Dự án xây dựng cơ sở chế biến thủy sản, bột cá, mía đường, bột ngọt, tinh bột sắn, bia, rượu, cồn công nghiệp.
12	Dự án xây dựng nhà máy sản xuất hóa chất, phân bón hóa học, thuốc bảo vệ thực vật hóa học.
13	Dự án xây dựng cơ sở sản xuất thuốc phóng, thuốc nổ, hỏa cụ.
14	Dự án xây dựng cơ sở sản xuất bột giấy, giấy từ phế liệu; cơ sở sản xuất ván sợi (MDF, HDF); cơ sở chế biến cao su, mũ cao su, săm lốp cao su các loại.
15	Dự án xây dựng cơ sở nhuộm (vải, sợi), giặt mài.
16	Dự án xây dựng cơ sở thuộc da.

¹ Thuộc đối tượng lập Báo cáo ĐTM và thuộc thẩm quyền phê duyệt Báo cáo ĐTM của UBND tỉnh

² Quy mô, công suất của từng Dự án thuộc đối tượng lập Báo cáo Đánh giá tác động môi trường căn cứ theo quy định tại Phụ lục II, Mục I Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ.

Phụ lục 2

**MẪU TRANG BÌA VÀ PHƯƠNG ÁN ĐÁNH GIÁ SƠ BỘ
TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Quyết định số 3352/QĐ-UBND ngày 22 /10 /2019 của UBND tỉnh Quảng Nam)

Cơ quan chủ quản/phê duyệt Dự án (nếu có)

(1)

**PHƯƠNG ÁN
ĐÁNH GIÁ SƠ BỘ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG**
của Dự án (2)

CHỦ DỰ ÁN
(ký, ghi họ tên, đóng dấu)

Địa danh(*), tháng ... năm ...

Ghi chú:

(1) Tên cơ quan chủ Dự án;

(2) Tên gọi đầy đủ, chính xác của Dự án;

(Ghi địa danh cấp tỉnh nơi thực hiện Dự án hoặc nơi đặt trụ sở chính của Chủ Dự án.*

CẤU TRÚC VÀ NỘI DUNG CỦA PHƯƠNG ÁN ĐÁNH GIÁ SƠ BỘ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

MỞ ĐẦU

1. Trình bày tóm tắt về xuất xứ, hoàn cảnh ra đời của dự án, sự cần thiết phải đầu tư dự án, trong đó nêu rõ loại hình dự án mới, dự án cải tạo, dự án mở rộng, dự án nâng cấp, dự án nâng công suất, dự án điều chỉnh, dự án bổ sung hay dự án loại khác.

2. Cơ quan, tổ chức có thẩm quyền phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc dự án đầu tư hoặc tài liệu tương đương.

3. Mối quan hệ của dự án với các dự án, quy hoạch phát triển do cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền thẩm định và phê duyệt (nêu rõ hiện trạng của các dự án, quy hoạch phát triển có liên quan đến dự án).

Chương 1

MÔ TẢ TÓM TẮT DỰ ÁN

1. Tên dự án

Nêu chính xác tên gọi của dự án (theo báo cáo đầu tư, báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc tài liệu tương đương của dự án).

2. Chủ dự án

Nêu đầy đủ, chính xác tên chủ dự án, địa chỉ và phương tiện liên hệ với chủ dự án; họ tên và chức danh của người đại diện theo pháp luật của chủ dự án.

3. Vị trí địa lý của dự án

- Mô tả rõ ràng vị trí địa lý (gồm cả tọa độ theo quy chuẩn hiện hành, ranh giới...) của địa điểm thực hiện dự án trong mối tương quan với các đối tượng xung quanh, cụ thể với:

+ Các đối tượng tự nhiên (hệ thống đường giao thông; hệ thống sông suối, ao, hồ và các nguồn nước khác; rừng, khu dự trữ sinh quyển, vườn quốc gia, khu bảo tồn thiên nhiên, khu dự trữ thiên nhiên thế giới,...);

+ Các đối tượng kinh tế - xã hội (khu dân cư; khu đô thị; các đối tượng sản xuất, kinh doanh, dịch vụ; các công trình văn hóa, tôn giáo; các di tích lịch sử..);

+ Các đối tượng khác xung quanh khu vực dự án có khả năng bị tác động bởi dự án.

- Mô tả cụ thể hiện trạng sử dụng đất trên diện tích đất của dự án.

4. Nội dung chủ yếu của dự án (phương án chọn)

a) Mô tả mục tiêu của dự án

b) Khối lượng và quy mô các hạng mục công trình của dự án

Mô tả chi tiết về khối lượng và quy mô (không gian và thời gian) của các hạng mục, theo từng giai đoạn của dự án có khả năng gây tác động đến môi trường trong quá trình thực hiện dự án, kèm theo sơ đồ, bản vẽ mặt bằng tổng thể bố trí tất cả các hạng mục công trình. Các công trình được phân thành 2 loại sau:

- Các hạng mục công trình chính: Công trình phục vụ mục đích sản xuất, kinh doanh, dịch vụ của dự án;

- Các hạng mục công trình phụ trợ: Giao thông vận tải, cung cấp điện, cung cấp nước, thoát nước mưa, thoát nước thải, giải phóng mặt bằng, cây xanh, trạm xử lý nước thải, nơi xử lý hoặc trạm tập kết chất thải rắn; các công trình, phòng chống xói lở, bồi lắng; các công trình ứng phó sự cố tràn dầu, cháy nổ, sự cố môi trường và các công trình khác (tùy thuộc vào loại hình dự án).

c) Công nghệ sản xuất, vận hành

Mô tả cụ thể về công nghệ sản xuất, vận hành của dự án có khả năng gây tác động xấu đến môi trường. Chỉ rõ về nguồn phát sinh chất thải và loại hình chất thải phát sinh tương ứng.

d) Danh mục máy móc, thiết bị dự kiến

Liệt kê các loại máy móc, thiết bị chính cần có của dự án.

đ) Nguyên, nhiên, vật liệu (đầu vào) và các sản phẩm (đầu ra) của dự án

Liệt kê đầy đủ thành phần và tính chất của các loại nguyên, nhiên, vật liệu (đầu vào) và các sản phẩm (đầu ra) của dự án kèm theo chỉ dẫn về tên thương mại và công thức hóa học (nếu có).

e) Tiến độ thực hiện dự án

Mô tả chi tiết về tiến độ thực hiện các hạng mục công trình theo từng giai đoạn của dự án từ khi bắt đầu cho đến khi hoàn thành, đi vào vận hành chính thức và có thể thể hiện dưới dạng biểu đồ.

g) Vốn đầu tư

Nêu rõ tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của dự án, trong đó chỉ rõ mức đầu tư cho hoạt động bảo vệ môi trường của dự án.

Chương 2

ĐÁNH GIÁ SƠ BỘ, DỰ BÁO TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN

1. Đánh giá sơ bộ tác động

a) Đánh giá sơ bộ các tác động trong giai đoạn chuẩn bị của dự án

- Đánh giá tính phù hợp của vị trí dự án với điều kiện môi trường tự nhiên và kinh tế-xã hội khu vực thực hiện dự án;

- Đánh giá tác động của việc chiếm dụng đất (đặc biệt đối với các hộ dân bị mất đất ở, đất canh tác, mất việc làm);

- Đánh giá tác động của hoạt động giải phóng mặt bằng (phát quang thảm thực vật, san lấp tạo mặt bằng và hoạt động khác).

b) Đánh giá sơ bộ các tác động trong giai đoạn thi công xây dựng dự án

- Đánh giá tác động của hoạt động khai thác vật liệu xây dựng phục vụ dự án (nếu thuộc phạm vi dự án);

- Đánh giá tác động của hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng, máy móc thiết bị;

- Đánh giá tác động của hoạt động thi công các hạng mục công trình của dự án hoặc các hoạt động triển khai thực hiện dự án (đối với các dự án không có các hạng mục công trình xây dựng).

c) Đánh giá sơ bộ các tác động trong giai đoạn hoạt động/vận hành của dự án

- Đánh giá tác động của các nguồn phát sinh chất thải (khí, lỏng, rắn);

- Đánh giá, dự báo tác động của các nguồn không liên quan đến chất thải.

2. Đánh giá sơ bộ tác động gây nên bởi các rủi ro, sự cố của dự án

Việc đánh giá sơ bộ tác động đến môi trường và sức khỏe cộng đồng do các rủi ro, sự cố của dự án gây ra cần dựa trên cơ sở kết quả dự báo rủi ro, sự cố của dự án đầu tư (báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc tài liệu tương đương) hoặc dựa trên cơ sở giả định các rủi ro, sự cố xảy ra trong các giai đoạn của dự án (chuẩn bị, thi công xây dựng, vận hành và giai đoạn khác (nếu có)).

Chương 3

ĐỀ XUẤT BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA, GIẢM THIỂU TÁC ĐỘNG TIÊU CỰC VÀ PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ RỦI RO, SỰ CỐ CỦA DỰ ÁN

1. Biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu các tác động tiêu cực của dự án theo từng giai đoạn của Dự án (chuẩn bị, xây dựng, vận hành)

2. Biện pháp quản lý, phòng ngừa và ứng phó rủi ro, sự cố của dự án

3. Phương án tổ chức thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường

- Khái quát dự toán kinh phí đối với từng công trình, biện pháp bảo vệ môi trường;

- Nêu rõ tổ chức, bộ máy quản lý, vận hành các công trình bảo vệ môi trường.

KẾT LUẬN, KIẾN NGHỊ VÀ CAM KẾT

Phụ lục 3

MẪU THỎA THUẬN KÝ QUỸ BẢO ĐẢM THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ

(Kèm theo Quyết định số 3352/QĐ-UBND ngày 22 /10 /2019 của UBND tỉnh Quảng Nam)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 20...

THỎA THUẬN KÝ QUỸ BẢO ĐẢM THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Số

Ngày..... tháng.....năm.....

Căn cứ Luật đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đầu tư;

Căn cứ Quyết định số /QĐ-UBND ngày .../ /2019 của UBND tỉnh Quảng Nam về việc Quy định hướng dẫn và quản lý hoạt động đầu tư trên địa bàn tỉnh Quảng Nam.

Căn cứ Quyết định chủ trương đầu tư sốcủa ... đối với dự án ;

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư sốdo cấp ngày(nếu có)

Căn cứ quy định chức năng, nhiệm vụ và tổ chức bộ máy của ... ;

Các bên:

1. Cơ quan ký thỏa thuận ký quỹ (tên cơ quan, địa chỉ trụ sở, số điện thoại, fax, website, người đại diện, chức vụ, ...):.....

2. Nhà đầu tư (tên nhà đầu tư, địa chỉ trụ sở, số điện thoại, fax, website, người đại diện, chức vụ,.....): ghi từng nhà đầu tư hoặc Tổ chức kinh tế

THỎA THUẬN

Điều 1. Áp dụng biện pháp bảo đảm thực hiện dự án đầu tư đối với dự án(tên dự án); mã số dự án/số quyết định chủ trương đầu tư: do (tên cơ quan cấp), cấp ngày

Nhà đầu tư thực hiện việc ký quỹ với nội dung như sau:

1. Số tiền ký quỹ:..... (bằng chữ) đồng
2. Thông tin về tài khoản nhận tiền ký quỹ của Cơ quan đăng ký đầu tư:
 - Tên chủ tài khoản/Tên người hưởng (Cơ quan đăng ký đầu tư):
 - Số Tài khoản:
 - Tên Ngân hàng:
 - Địa chỉ của Ngân hàng:
3. Thời hạn nộp tiền ký quỹ: trước ngàytháng ... năm
4. Kỳ hạn gửi: ... tháng (do nhà đầu tư lựa chọn theo quy định)

Điều 2. Việc thực hiện ký quỹ và hoàn trả ký quỹ được thực hiện theo quy định tại Điều 11, Điều 12 và Điều 13 Quy định hướng dẫn và quản lý hoạt động đầu tư trên địa bàn tỉnh Quảng Nam ban hành kèm theo Quyết định số Ngày .../.../2019 của UBND tỉnh Quảng Nam.

Điều 3. Thỏa thuận này được lập thành(bằng chữ) bản gốc; mỗi nhà đầu tư được cấp 01 bản, 01 bản cấp cho tổ chức kinh tế thực hiện dự án, 01 bản gửi cho (tên Ngân hàng nhận ký quỹ) và 01 bản lưu tại ... (tên cơ quan đăng ký đầu tư).

NHÀ ĐẦU TƯ

**THỦ TRƯỞNG
CƠ QUAN KÝ THỎA THUẬN
KÝ QUỸ
(ký tên/đóng dấu)**